

THỰC TRẠNG ĐỌC CỦA HỌC SINH LỚP 1 NGƯỜI STIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC

(Qua khảo sát tại 5 điểm của Trường Tiểu học
Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập)

HỒ XUÂN MAI*

Kết quả khảo sát thực trạng đọc của 60 học sinh lớp 1 người Stiêng và 60 học sinh lớp 1 người Kinh (học kỳ 1 - năm học 2020-2021) của một trường tiểu học ở huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước cho thấy: số học sinh lớp 1 người Stiêng đọc dưới trung bình khá cao (cá biệt, có một số em chưa đọc được); trong khi số học sinh người Kinh cùng lớp đọc dưới trung bình ít hơn nhiều. Nguyên nhân từ đâu và cần có giải pháp gì để khắc phục thực trạng này - đó là vấn đề được đặt ra trong bài viết.

Từ khóa: thực trạng đọc, tiếng Việt, học sinh Stiêng, khảo sát, lớp 1

Nhận bài ngày: 18/2/2021; *đưa vào biên tập:* 25/2/2021; *phản biện:* 8/3/2021; *duyet đăng:* 05/5/2021

1. DẪN NHẬP

Để phục vụ cho đề tài *Thực trạng đọc, viết của học sinh lớp 1 người Stiêng (Qua khảo sát một trường tiểu học ở huyện Bù Gia Mập, Bình Phước)*, chúng tôi đã chọn Trường Tiểu học Ngô Quyền để khảo sát năng lực đọc, viết của học sinh lớp 1 người Stiêng ở tỉnh Bình Phước (cuối tháng 1/2021). Đây là trường tiểu học duy nhất của huyện có đủ số học sinh lớp 1 là người Stiêng. Trường có 5 điểm; mỗi điểm cách nhau khoảng 5km. Chúng tôi sử dụng bảng hỏi 45 chỉ tiêu để khảo sát 60 học sinh người Stiêng (30 nam, 30 nữ) và 60 học sinh người Kinh tương ứng để làm cơ sở đối chiếu, đánh giá. Trong bài viết này,

chúng tôi chỉ trình bày kết quả về thực trạng đọc. Để đảm bảo tính khách quan, mức độ chính xác chúng tôi đưa ra 6 bài tập đọc⁽²⁾, gồm thơ và văn xuôi ở những thời điểm khác nhau và được thiết kế như sau:

- *Nhìn và đọc lại đoạn trích đã học:*

Bài 5 - *Lớp em* (thơ)

Phòng học lớp em

Gọn gàng, ngăn nắp

Hộp bút, sách, cặp

Sắp xếp đúng nơi. (Minh Châu) (Đoạn trích này có 18 âm tiết, tính luôn tên bài học).

Bài 3 - *Hát mừng thầy cô* (văn xuôi):

Cả tháng nay, lớp em hăng say tập văn nghệ. Hội thi Hát mừng thầy cô nhân ngày 20 tháng 11 đã đến. (Đoạn trích này có 27 âm tiết, tính luôn tên bài học).

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

- *Nhìn và đọc đoạn trích đang học tại thời điểm khảo sát*

Bài 5 - *Ước mơ của con* (thơ)

Mẹ ơi, con mơ ước
Được làm chú phi công
Trên ngàn mây xanh biếc
Lượn cùng trời mênh mông. (Lê Châu). (Đoạn trích này có 20 âm tiết, tính luôn tên bài học).

Bài 5 - *Bát ngờ* (văn xuôi)

Vừa vào ngõ, bé nghe tiếng kêu:
- Bà ơi, có khách... có khách!
Bé hỏi:
- Bà ơi, ai gọi bà vậy?
- Cháu của bà đó. (Đoạn trích này có 27 âm tiết, tính luôn tên bài học).

- *Nhìn và đọc đoạn trích chưa học tại thời điểm khảo sát*

Bài 5 - *Mùa hoa* (thơ)

Dưới nắng ban mai
Ngàn hoa khoe sắc
Oải hương tím ngát
Nhụy hoa tỏa hương. (Phạm Châu Lê),
(Đoạn trích này có 18 âm tiết, tính luôn tên bài học).

Bài 1 - *Hoa tháng tư* (văn xuôi)

Hoa gạo đỏ. Hoa loa kèn trắng. Hoa giấy, hoa bằng lăng tím xòe cánh mỏng manh. Hoa lộc vừng đỏ, xòa thành chùm bông xuống mặt hồ. (Đoạn trích này có 31 âm tiết, tính luôn tên bài học).

2. CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ

Để khảo sát, đánh giá các kỹ năng đọc, như mức độ đúng-sai, số âm tiết bị bỏ sót khi đọc, tốc độ đọc..., chúng

tôi đều dựa vào “Bảng Hướng dẫn khảo sát (kỹ năng đọc - viết, nghe - hiểu của học sinh lớp 1, 2 và 3, 4, 5)” của nhóm tác giả Nguyễn Thị Ly Kha - Phạm Hải Lê thiết kế⁽³⁾, và các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 (Thông tư 30-2014), Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 (Thông tư 22-2016); Thông tư 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 (Thông tư 36-2017) để tham khảo. Bảng khảo sát học sinh người Stiêng và học sinh người Kinh ở Bù Gia Mập - nơi mà con em các dân tộc ít người nói tiếng mẹ đẻ chưa hoàn chỉnh đã bước vào lớp 1, còn con em người Kinh thì chỉ biết nói, và khi bước vào lớp 1 mới làm quen mặt chữ - chúng tôi đưa ra ba mức độ để đánh giá là *tốt, trung bình và dưới trung bình*; gồm các kỹ năng: tốc độ đọc, số âm tiết không đọc được và số âm tiết bị nuốt/bỏ. Tiêu chí để đánh giá theo ba mức độ này rất thấp, cụ thể:

Về tốc độ đọc: Nếu học sinh lớp 1 người Stiêng đạt 15 âm tiết/1 phút, còn học sinh người Kinh là 20 âm tiết/1 phút (Thông tư 30/2014 và Thông tư 22/2016 yêu cầu học sinh phải đọc 30 âm tiết/1 phút), chúng tôi xếp vào mức độ tốt. Như vậy, so với quy định của các thông tư, học sinh lớp 1 người Stiêng chỉ cần đạt một nửa còn học sinh người Kinh là hai phần ba. Mức trung bình của học sinh người Stiêng và học sinh người Kinh lần lượt là 10 và 15 âm tiết/1 phút. Dưới mức này là dưới trung bình.

Về số học sinh và số âm tiết không đọc được: Nếu học sinh đọc trơn không được, giáo viên cho đánh vần. Nếu học sinh không đánh vần được âm tiết hoặc đánh vần được nhưng tiếp tục đọc không được âm tiết vừa đánh vần thì xem là không đọc được.

Về số âm tiết bị nuốt/bỏ: Nếu học sinh không đọc 3 âm tiết trong một đoạn thì giáo viên cho đánh vần, đọc lại. Nếu học sinh đọc lại được thì hiện tượng không đọc trước đó được xem là bỏ/nuốt âm tiết.

Trong ba kỹ năng *tốc độ đọc*, *không đọc được* và *nuốt/bỏ* âm tiết thì *tốc độ đọc* và *không đọc được* được xem là năng lực đọc của học sinh, còn kỹ

cầu khắc phục và học sinh khắc phục được, chúng tôi xem đó là *nuốt/bỏ* âm tiết.

Về cách thức tiến hành, chúng tôi nhờ giáo viên dạy lớp hướng dẫn; nhóm khảo sát theo dõi và sử dụng điện thoại thông minh để đo tốc độ đọc và đánh dấu những âm tiết bị bỏ/nuốt cũng như những âm tiết đọc sai. Về kỹ thuật, chỉ yêu cầu đọc trơn, đọc riêng từng học sinh và đọc nối, xen kẽ giữa một học sinh người Stiêng và một học sinh người Kinh.

3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

3.1. Nhìn và đọc lại đoạn trích đã học

3.1.1. Tốc độ đọc

Đối tượng	Đoạn thơ (18 âm tiết)			Đoạn văn xuôi (27 âm tiết)		
	Dưới trung bình	Trung bình	Tốt	Dưới trung bình	Trung bình	Tốt
Học sinh người Stiêng	44	16	0	52	8	0
Học sinh người Kinh	0	26	34	0	39	21

năng thứ ba chỉ là thói quen của học sinh.

Chúng tôi không khảo sát mức độ phát âm sai âm tiết, cụ thể là dấu thanh, vì đây là cái sai của độ tuổi, không thể gọi là thực trạng hay năng lực của học sinh.

Cần nói thêm là giữa hình thức *không đọc được* và *nuốt/bỏ* âm tiết có chỗ giống nhau nhưng không hoàn toàn trùng nhau. *Không đọc được* là đã cố gắng đánh vần, ráp chữ nhưng vẫn không đọc thành âm. Còn *bị nuốt/bỏ* âm tiết là những âm tiết đó không được đọc trong chuỗi âm, nếu yêu

3.1.2. Số học sinh và số âm tiết không đọc được

a. Đoạn thơ

- Số học sinh Stiêng không đọc được là 44/60; số âm tiết không đọc được trung bình là 8/18.

- Số học sinh người Kinh không đọc được: 0.

b. Văn xuôi

- Số học sinh Stiêng không đọc được là 51/60; số âm tiết không đọc được trung bình là 14/27.

- Học sinh người Kinh không đọc được: 0.

Thống kê cho thấy có một hiện tượng rất đáng chú ý là số âm tiết trong đoạn thơ mà 44 học sinh người Stiêng không đọc là 8/18. Còn số âm tiết trong đoạn văn mà 51 học sinh không đọc cũng gần như giống nhau, là 14/27 âm tiết. Tại sao có sự trùng hợp này? Về mặt khách quan, mỗi học sinh có riêng những điều kiện, hoàn cảnh và năng lực ngôn ngữ thì tại sao những âm tiết không đọc được ở cả đoạn thơ lẫn văn xuôi giống nhau? Có phải những âm tiết này khó, không phù hợp nên các học sinh không đọc được? Câu trả lời sẽ được trình bày trong *nhận xét* ở dưới.

3.1.3. Số học sinh nuốt/bỏ âm tiết và số âm tiết bị nuốt/bỏ

a. Đoạn thơ

- Học sinh Stiêng: 41/60 học sinh nuốt/bỏ âm tiết; số âm tiết bị nuốt/bỏ trung bình là 9/18.

- Học sinh người Kinh nuốt/bỏ âm tiết: 0.

b. Văn xuôi

- Học sinh Stiêng: 47/60 học sinh nuốt/bỏ; số âm tiết bị nuốt/bỏ trung bình là 14/27.

- Học sinh người Kinh: 0.

Kết quả khảo sát cho thấy những âm tiết học sinh người Stiêng không đọc ở mục (3.1.3.) cũng chính là những âm tiết đọc không được ở (3.1.2.), với số âm tiết bị bỏ so với (3.1.2.) chỉ là một; còn số học sinh không đọc được ở (3.1.3.) so với (3.1.2.) không đáng kể. Như vậy, không phải học sinh người Stiêng học không được (chúng

tôi loại yếu tố năng lực giáo viên), mà do một nguyên nhân khách quan nào đó như sẽ trình bày ở phần tiếp theo.

Nhận xét:

- Có từ một nửa tới hai phần ba học sinh người Stiêng dưới trung bình ở tất cả các kỹ năng. Con số này ở học sinh người Kinh chỉ khoảng 2%.

- Tính đến thời điểm khảo sát, đây là những đoạn thuộc những bài đã được học và là những bài trọng tâm của học kỳ 1, với số từ tương đối ít hơn so với yêu cầu phải đạt được của các thông tư (Thông tư 30-2014, Thông tư 22-2016 và Thông tư 36-2017) là 30 âm tiết. Vậy, tại sao với những bài đã được học, học sinh người Stiêng vẫn không thể đọc, đọc sai và bỏ từ? Tại sao học sinh không nhận được mặt chữ mà phải rất khó khăn để đánh vần “Cờ a cờ a ca ca hỏi cả...cả...cả, thờ ang thờ ang thang sắc tháng...tháng...tháng, nờ ay nờ ay nay...nay...nay”?

- Tại sao cùng bước vào lớp 1, cùng có số tiết và thời lượng như nhau nhưng kết thúc học kỳ 1, học sinh người Kinh đã đọc trơn rất tốt, trong khi đó học sinh người Stiêng không đọc được? Trong số 60 học sinh người Stiêng, chỉ 65 lượt/3 kỹ năng ở cả hai bài học đọc được ở mức độ trung bình, 295 lượt dưới trung bình và không một học sinh nào đạt mức độ tốt; trong khi đó học sinh người Kinh cùng lớp có 162 lượt đạt mức trung bình (gấp hai lần so với học sinh người Stiêng) và 198 lượt đạt mức độ tốt.

Vậy nguyên nhân từ đâu?

Chúng tôi đã phỏng vấn phụ huynh và giáo viên dạy lớp, và được biết, đó là yếu tố tiếng Việt tiền học đường. Tất cả 5 người (giáo viên, người quản lý) và 5 phụ huynh đều có chung một ý kiến là học sinh người Stiêng “học thua” các bạn người Kinh cùng lớp/khối là do các em chưa nói được tiếng Việt hoặc nói được rất ít; cho nên, khi học phân môn Tiếng Việt, các em phải thực hiện cùng lúc hai thao tác là *tập nói* và *tập đọc*. Trong lúc đó, học sinh người Kinh chỉ thực hiện một thao tác là lặp lại những gì đã nghe, đã đọc, đã học. Về logic và tâm lý, điều này là bất lợi đối với học sinh người Stiêng. *Thứ nhất*, vì chưa nói được hoặc mới biết nói tiếng Việt nên khả năng nhớ những âm tiết đã học hoàn toàn khó khăn, thậm chí là không thể. Học sinh không biết đọc đó là âm gì (của tiếng Việt) *nên phải cố nhớ* hoặc phải bỏ/nuốt âm tiết. Trường hợp những học sinh nhớ được con chữ để đánh vần, ráp chữ thì cũng bất lợi, bởi hoạt động đánh

thể học tốt phân môn này.

Ngoài yếu tố tiếng Việt tiền học đường, yếu tố tiếp theo khiến cho học sinh người Stiêng không thể học tốt phân môn Tiếng Việt là bởi từ ngữ trong sách giáo khoa không mới lạ đối với học sinh người Kinh nhưng với học sinh người Stiêng thì khác: đây là lần đầu tiên các em nghe/đọc âm tiết nhưng hoàn toàn chưa thấy, chưa quen với sự vật, sự việc gắn liền với âm tiết đó. Chính vì lý do này, các em không thể đọc tốt (dù ở dạng đọc trơn) bài học. Điều này lý giải tại sao mục (3.1.2.) có 44 học sinh không đọc được đoạn thơ, với số âm tiết không đọc được là 8/18 và 51 học sinh không đọc được đoạn văn xuôi, với số âm tiết không đọc được là 14/27. Trong khi đó, ở mục (3.1.3.) có tới 41 học sinh người Stiêng nuốt/bỏ chữ khi đọc đoạn thơ với số âm tiết bị bỏ là 9/18; và 47 em bỏ chữ khi đọc đoạn văn xuôi, với số âm tiết bị bỏ là 14/27.

3.2. Nhìn và đọc đoạn trích đang học tại thời điểm khảo sát

3.2.1. Tốc độ đọc

Đối tượng	Đoạn thơ (20 âm tiết)			Đoạn văn xuôi (27 âm tiết)		
	Dưới trung bình	Trung bình	Tốt	Dưới trung bình	Trung bình	Tốt
Học sinh người Stiêng	40	20	0	47	13	0
Học sinh người Kinh	0	29	31	7	33	20

vần chính là hoạt động *nói tiếng Việt*, tức lặp lại hạn chế như đã nói ở trên. *Thứ hai*, về tâm lý, vì không nói được, không đọc được mà phải nói, phải đọc nên các em sợ. Đến lượt mình, chính nỗi sợ hãi đã khiến cho các em không

So với (3.1.1. - tuần 14), tốc độ đọc trong (3.2.1. - tuần 17) tốt hơn ở cả đoạn thơ lẫn văn xuôi. Kết quả này có thể lý giải bởi hai lý do: *Một*, về sinh học, độ tuổi này *rất mau quên để tiếp nhận cái mới, cái hiện tại*. Cho nên,

khi đọc lại những bài đã học, các em quên là điều hiển nhiên. *Hai*, về tâm lý và logic, bài đang học tuần 17 là trọng tâm, là (gần với) tuần thi học kỳ 1 nên các em được giáo viên ôn luyện kỹ hơn, các em cũng cố gắng hơn nên số học sinh đọc tốt tăng lên.

3.2.2. Số học sinh và số âm tiết không đọc được

a. Đoạn thơ

- Số học sinh Tiếng không đọc được là 40/60; số âm tiết không đọc được trung bình là 10/20.

- Học sinh người Kinh không đọc được: 0.

b. Văn xuôi

- Số học sinh Tiếng không đọc được là 47/60; số âm tiết không đọc được là 14/27.

- Số học sinh người Kinh không đọc được là 7/60; số âm tiết không đọc trung bình là 6/27.

Kết quả khảo sát cho thấy, 13/60 học sinh người Tiếng đọc được 27 âm tiết trong đoạn văn xuôi đang học tại thời điểm khảo sát, còn 47/60 học sinh không đọc được. Trong khi đó chỉ có 7 học sinh người Kinh không đọc được (được xếp vào nhóm chưa hoàn thành). Đối với đoạn thơ, hai phần ba học sinh người Tiếng không đọc được. Số âm tiết trong đoạn thơ mà học sinh người Tiếng không đọc được là 10/20; còn trong đoạn văn xuôi là 14/27.

3.2.3. Số học sinh nuốt/bỏ âm tiết và số âm tiết bị nuốt/bỏ

a. Đoạn thơ

- Số học sinh Tiếng nuốt/bỏ âm tiết là 43/60; số âm tiết bị nuốt/bỏ trung bình là 10/20.

- Số học sinh người Kinh nuốt/bỏ âm tiết: 0.

b. Văn xuôi

- Số học sinh Tiếng nuốt/bỏ âm tiết là 47/60; số âm tiết bị nuốt/bỏ trung bình là 13/27.

- Số học sinh người Kinh nuốt/bỏ âm tiết: 0.

Nhận xét:

- Từ bài đã học đến bài đang học, tất cả đều có hơn từ một nửa tới hai phần ba học sinh người Tiếng dưới trung bình ở tất cả các kỹ năng. Chỉ có 7 học sinh người Kinh ở mục (3.2.2., mục b) đọc không được.

- Có sự giống nhau về số âm tiết mà học sinh Tiếng không đọc được và bỏ/nuốt khi đọc. Điều này lý giải như thế nào, nếu đó không phải là nguyên nhân từ sách giáo khoa. Không thể có lý do gần như tất cả các em học sinh Tiếng đều có chung những âm tiết không đọc được, cũng như có chung những âm tiết không thể đọc, phải bỏ/nuốt. Cho nên, ý kiến của giáo viên, người quản lý và phụ huynh trong *nhận xét 1* giúp chúng ta lý giải hiện tượng này. Đó là những âm tiết trong những bài học nói riêng, sách giáo khoa nói chung, *rất xa lạ đối với* học sinh Tiếng. Chính vì lý do này mà các học sinh không thể đọc hoặc chỉ có thể đọc sau khi đã mất rất nhiều thời gian đánh vần, ráp chữ. Cũng khoảng thời gian này thì học sinh

người Kinh đã hoàn thành các yêu cầu.

3.3. Nhìn và đọc đoạn trích chưa học tính đến thời điểm khảo sát

3.3.1. Tốc độ đọc

Đối tượng	Đoạn thơ (18 âm tiết)			Đoạn văn xuôi (31 âm tiết)		
	Dưới trung bình	Trung bình	Tốt	Dưới trung bình	Trung bình	Tốt
Học sinh người Stiêng	50	10	0	53	7	0
Học sinh người Kinh	10	36	14	15	41	4

3.3.2. Số học sinh và số âm tiết không đọc được

a. Đoạn thơ

- Số học sinh Stiêng không đọc được là 50/60; số âm tiết không đọc được trung bình là 11/18.

- Số học sinh người Kinh không đọc được: 0.

b. Văn xuôi

- Số học sinh Stiêng không đọc được: 53/60; số âm tiết không đọc được trung bình là 16/31.

- Số học sinh người Kinh không đọc được: 0.

3.3.3. Số học sinh nuốt/bỏ âm tiết và số âm tiết bị nuốt/bỏ

a. Đoạn thơ

- Số học sinh Stiêng nuốt/bỏ âm tiết là 52/60; số âm tiết bị nuốt/bỏ trung bình là 10/18.

- Số học sinh người Kinh nuốt/bỏ âm tiết là 1/60; số âm tiết bị nuốt/bỏ là 4/18.

b. Văn xuôi

- Số học sinh Stiêng nuốt/bỏ âm tiết là

60/60; số âm tiết bị nuốt/bỏ trung bình là 15/31.

- Số học sinh người Kinh nuốt/bỏ âm tiết là 4/60; số âm tiết bị nuốt/bỏ trung bình là 3/31.

Nhận xét:

- Với những bài đã học và đang học, năng lực đọc của học sinh người Stiêng yếu hơn học sinh người Kinh cùng lớp nhiều lần nên đối với bài chưa học sẽ càng khó khăn để học sinh người Stiêng có thể đọc được. Bài chưa học học sinh không biết đọc nên phải đọc chậm, bỏ âm tiết hoặc/và đọc không được (cả đoạn trích là thơ và đoạn trích là văn xuôi).

- Với học sinh người Kinh năng lực đọc không hoàn toàn tốt, có nhiều học sinh chỉ đạt ở mức trung bình; thậm chí có em không đọc được như trong (3.2.2.) và (3.3.3.).

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trong học kỳ 1, chưa phải kết quả đọc của học sinh lớp 1 tính theo năm học theo quy định của các thông tư. Tuy nhiên qua kết quả học kỳ 1 cũng phản ánh một phần thực trạng đọc của học sinh lớp 1 người Stiêng.

1. Những tiêu chí và mức độ đánh giá thực trạng đọc của học sinh lớp 1

người Stiêng do chúng tôi đưa ra đều thấp hơn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, kết quả khảo sát 60 học sinh người Stiêng đều rất đáng lo ngại. *Thứ nhất*, số học sinh đạt từ trung bình trở xuống chiếm hơn hai phần ba, tức gần 50 học sinh. *Thứ hai*, kết quả khảo sát cho thấy, thực trạng đọc của học sinh lớp 1 người Stiêng ở Trường Tiểu học Ngô Quyền đối với *bài đã học*, *đang học* và *chưa học* và ở tất cả các kỹ năng có giới hạn. Thực trạng đọc của học sinh người Kinh cũng không hoàn toàn đạt yêu cầu như mong muốn.

Nếu căn cứ vào quy định của các thông tư, học sinh các dân tộc vùng sâu, vùng xa và đặc biệt là học sinh các dân tộc ít người ở vùng trung du, miền núi rất khó đạt được⁽⁴⁾.

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Giáo viên dạy lớp cho chúng tôi biết là phải tách những học sinh này ngồi riêng để tiện theo dõi, bồi dưỡng.

⁽²⁾ Nguồn ngữ liệu sử dụng: Các bài đọc gồm thơ và văn xuôi trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 1* và *Tiếng Việt 2*, bộ Chân trời sáng tạo, do Nhà xuất bản Giáo dục phát hành năm 2020.

⁽³⁾ Bản điện tử do tác giả chuyển và đồng ý cho chúng tôi sử dụng.

⁽⁴⁾ Thêm vào đó, mức độ yêu cầu học sinh phải đạt của các thông tư cũng không thống nhất nhau. Chẳng hạn, Thông tư 30/2014 quy định ba mức chưa hoàn thành, hoàn thành và hoàn thành tốt; Thông tư 22/2016 quy định mức chưa hoàn thành và hoàn thành; còn Thông tư 36/2017 thì quy định ba mức chưa hoàn thành, hoàn thành và hoàn thành tốt.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2014. Thông tư 30/2014/TT-GDĐT ngày 28/8/2014.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2016. Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2017. Thông tư 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017.

2. Nguyên nhân từ đâu? Từ yếu tố tiếng Việt ‘tiền học đường’, từ sách giáo khoa hoặc/và chương trình, từ phương pháp giảng dạy hay còn nguyên nhân nào khác? Đây là những câu hỏi cần sớm được giải đáp mới có thể giúp khắc phục thực trạng trên.

Nếu là yếu tố tiếng Việt tiền học đường thì giải pháp đối với vấn đề này thuộc tầm chiến lược. Lúc đó, yêu cầu là làm sao để tất cả con em người Stiêng đều đã nói tiếng Việt như con em người Kinh cùng độ tuổi trước khi bước vào lớp 1. Yêu cầu này sẽ phải cần nhiều thời gian, nhiều nghiên cứu và đánh giá khoa học mới có thể có giải pháp khả thi.

Nếu nguyên nhân từ sách giáo khoa hoặc/và chương trình thì các địa phương đưa ra những hướng dẫn đối với phân môn Tiếng Việt sao cho việc giảng dạy có hiệu quả nhất. □

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2020. Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 20/10/2020.

5. Nguyễn Thị Ly Kha - Phạm Hải Lê. 2013. “Bảng Hướng dẫn khảo sát (kỹ năng đọc-viết, nghe-hiểu của học sinh lớp 1, 2 và 3, 4, 5)”, Trường Đại học Sư phạm TPHCM. <https://vndoc.com/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-tong-the-mon-tieng-viet-lop-1-179162>.